TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2023/ HS-ST
Ngày 24/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức;

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2023/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 29/3/1967 tại: Tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Thôn V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị T2; vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn); có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1983 học trường phổ thông công nông nghiệp (không xác định được hồ sơ).

- Năm 1986 trộm cắp tài sản, Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn xử phạt cảnh cáo (không xác định được hồ sơ).

- Ngày 20/8/1989 trộm cắp tài sản của công dân, Công an tỉnh Vĩnh Phú bắt tạm giam đến ngày 13/11/1990, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phú ra lệnh trả tự do số 23.

- Ngày 12/12/1990 trộm cắp tài sản của công dân, bị Công an huyện Trấn Yên, tỉnh Hoàng Liên Sơn khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến ngày 05/3/1991 Công an huyện Trấn Yên có công văn số 41 gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên với nội dung hành vi phạm tội của Ngọc chưa cần thiết phải đưa ra truy tố nên ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án và quyết định đình chỉ điều tra.

- Bản án số 08 ngày 09/3/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (Bản án số 1113 ngày 20/8/1993 của Tòa án nhân dân tối cao) xử Nguyễn Văn N 54 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội Trộm cắp tài sản riêng công dân. Tổng số tiền trộm cắp 1.625.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/1996. Án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm 30.000 đồng và buộc nộp lại 640.000 đồng. Ngày 31/8/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định đình chỉ thi hành án do Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án. Đối với khoản liên đới cùng Nguyễn Văn Q bồi thường cho anh Đỗ Văn M, sinh năm 1962, trú tại khu tập thể trạm máy kéo T 104.000 đồng, đến nay anh M chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

- Bản án số 07 ngày 02/3/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình xử Nguyễn Văn N 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/1998. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, tịch thu sung quỹ nhà nước 20.000 đồng ngày 30/8/2000.

- Bản án số 14/HSST ngày 27/01/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử Nguyễn Văn N 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2004. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 50.000 đồng ngày 20/9/2005. Đối với khoản buộc nộp lại sung quỹ nhà nước 1.000.000 đồng chưa có tài liệu thể hiện hồ sơ thi hành án. Đối với khoản tiền Nguyễn Văn N phải liên đới cùng Nguyễn Tiến M bồi thường cho bà Bùi Thị H, sinh năm 1956, trú tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và bà Nhâm Thị M1, sinh năm 1954, trú tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 600.000 đồng (kỷ phần của N là 300.000 đồng), bà H, bà N1 đã có đơn yêu cầu thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình đã có trả đơn yêu cầu thi hành án. Hiện nay bà H, bà M1 không yêu cầu N phải bồi thường số tiền trên nữa. Đối với các khoản liên đới bồi thường cho các bị hại khác đến nay các bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

- Bản án số 180/2005/HSST ngày 29/12/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử Nguyễn Văn N 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 01/2008. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng ngày 22/6/2006.

Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2023 đến ngày 07/6/2023 chuyển tạm giam đến nay.

** Người chứng kiến:*

1. Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Đường Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ 03, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt anh H, anh Tuấn A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 31/5/2023, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, biển số 17B9-234.80 đi từ quán karaoke D, đường N, phường L, thành phố T đến khu vực đường K, phường B, thành phố T gặp và mua của một người nam giới khoảng 50 tuổi không biết tên, địa chỉ 7.000.000 đồng được 02 túi ma túy đựng trong vỏ bao thuốc lá 555 (gồm 1.000.000 đồng tiền ma túy kẹo và 6.000.000 đồng ma túy Ketamine) rồi điều khiển xe mô tô đi về chỗ ở của N. Khi đi đến khu vực trước cửa đường P, phường B, thành phố T thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Trước sự chứng kiến của anh Phạm Tuấn A và anh Dương Ngọc H, N tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 vỏ bao thuốc lá 555 bên trong có 02 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ, trong đó có 01 túi chứa 03 viên nén màu cam, niêm phong ký hiệu M1, 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu M2 và khai nhận đó là ma túy N mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác quản lý của N 01 điện thoại di động Masstel màu đen, đã cũ. Kiểm tra xe mô tô do N điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Bình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn N nhưng không quản lý, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 811/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 1,0747 gam. Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 5,2651 gam.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 220/CT-VKSTPTB ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy loại MDMA, số ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định và 01 vỏ bao thuốc lá 555.

- Trả lại bị cáo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, biển số 17B9-234.80; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bằng:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ. Bản kết luận giám định số 811/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến. Các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 23 giờ 30 phút 31/5/2023 tại khu vực trước cửa đường P, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn N có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi ma túy, loại MDMA có khối lượng 1,0747 gam và 01 túi ma túy, loại Ketamine có khối lượng 5,2651 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy:

Tỷ lệ phần trăm chất ma túy loại MDMA so với mức tối thiểu quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự: 1,0747gam/5 x 100 = 21,494%.

Tỷ lệ phần trăm chất ma túy loại Ketamin so với mức tối thiểu quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự: 5,2651gam/20 x 100 = 26,3255%.

Tổng tỷ lệ phần trăm các chất ma túy bị cáo tàng trữ so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự: 21,494% + 26,3255% = 47,8195%.

Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này;

...

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội bị Tòa án đưa ra xét xử. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải

cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng, không nhằm mục đích kiếm lời, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về hình phạt có phần nghiêm khắc đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về vật chứng của vụ án:

[7.1] Số ma túy MDMA còn lại sau giám định là 0,7159 gam, số ma túy Ketamine còn lại sau giám định là 4,8161 gam thu giữ của bị cáo, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; 01 vỏ bao thuốc 555 không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, biển số 17B9-234.80 bị cáo mua lại của anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974 trú tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã cũ không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo.

[7.3] Chiếc biển số xe 17B9-234.80 quá trình điều tra xác định là biển số của xe Honda Lead của chị Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1979, trú tại đường Đ, khu đô thị 379, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình bị mất từ tháng 02/2018 chưa tìm thấy. Bị cáo khai do xe của bị cáo bị rơi mất biển số 18K1-069.65 khi nhặt được biển số xe 17B9-234.80 bị cáo đã gắn vào xe của bị cáo, nên cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý khi có căn cứ.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của người nam giới khoảng 50 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực đường K, phường B, thành phố T nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc 555 và số ma túy MDMA còn lại sau giám định là 0,7159 gam, số ma túy Ketamine còn lại sau giám định là 4,8161 gam thu giữ của bị cáo, được niêm phong trong phong bì số 811/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

3.2. Trả lại bị cáo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, biển số 17B9-234.80 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã cũ.

(Vật chứng Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 08/11/2023).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/11/2023)./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Chu Thị Tuyết

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Tòa án ND tỉnh TB;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;*
- *Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Chu Thị Tuyết